

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HC-ST

Ngày 04 - 9 - 2020

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khánh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Sần Quang Sơn.

2. Bà Nguyễn Thị Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Loan - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 05/8/2020 và ngày 04/9/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2019/HCST ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐST-HC ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 193/2020/QĐST-HC ngày 05/8/2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 466/2020/TB-TA ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Lù Văn T;

Địa chỉ: Khu N, tổ B, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Vy Văn M – Luật sư (Có mặt)

Ông Trương Xuân H – Luật sư (Có mặt)

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH E, Tòa nhà C, khu đô thị M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Đăng Kh - Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố L.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phùng Đức H - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố L. Có mặt.

Địa chỉ: Số N, đường H, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nông Thị T (Có mặt);
- Anh Lù Văn H (Vắng mặt);
- Anh Lù Văn C (Có mặt);
- Chị Lù Thị Y (Vắng mặt);
- Chị Vương Thị P (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Khu N, tổ B, phường B, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Vy Văn M – Luật sư (Có mặt);

Ông Trương Xuân H – Luật sư (Có mặt).

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH E, Tòa nhà C, khu đô thị M, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày:

Ngày 05/01/2019, UBND thành phố L, tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L đối với gia đình ông Lù Văn T. Theo phụ biểu gia đình ông T được bồi thường, hỗ trợ như sau: Giá trị bồi thường về đất với số tiền là 230.891.500đ; Giá trị bồi thường về tài sản, vật kiến trúc với số tiền là 556.709.711đ; Giá trị bồi thường về cây cối, hoa màu với số tiền là 183.071.700đ; Các chính sách hỗ trợ với số tiền là 759.274.500đ. Tổng số tiền gia đình ông T được bồi thường, hỗ trợ là 1.729.974.411đ.

Ngày 05/7/2019, UBND thành phố L ban hành quyết định số 1327/QĐ-UBND giao cho hộ gia đình ông T 100m² đất tại phường B, thành phố L (thửa đất số 62, tờ bản đồ số 101(484 422-3-6), đường B12, khu tái định cư Đông H) để làm nhà ở tái định cư và phải nộp tiền sử dụng đất với giá là 8.500.000đ/m². Việc UBND thành phố L ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Lù Văn T là chưa đúng quy định pháp luật, chưa đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông T, vì lý do sau:

Đất của gia đình ông Lù Văn T đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo hạn mức công nhận đất ở. UBND phường B không chấp nhận làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở cho gia đình ông Lù Văn T với lý do do gia đình ông Lù Văn T đã chuyển nhượng đất thổ cư (thửa đất số 21, tờ bản đồ số P2-30, diện tích 200m²) cho bà Nguyễn Thị Thanh T ở tổ B, phường B, thành phố L là không đúng quy định.

Gia đình ông T có 04 cặp vợ chồng, theo quy định thì gia đình ông T được giao 04 suất đất tái định cư (mỗi cặp vợ chồng một suất), nhưng UBND thành phố L mới chỉ giao cho vợ chồng ông Lù Văn T – Nông Thị T 01 suất đất tái định cư là chưa đúng quy định, chưa đảm bảo quyền lợi của hộ gia đình ông Lù Văn T.

Theo phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do UBND thành phố L phê duyệt đối với hộ gia đình ông Lù Văn T thì tổng số tiền được bồi thường về đất là 230.891.500đ, nhưng suất đất ở tái định cư của vợ chồng ông Lù Văn T được nhận có giá trị là 850.000.000đ. Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố L không miễn giảm số tiền đất chênh lệch cho vợ chồng ông T là chưa đúng quy định, chưa đảm bảo quyền lợi hợp pháp của vợ chồng ông Lù Văn T.

Vì vậy ông Lù Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND thành phố L. Trên cơ sở đó buộc UBND thành phố L lập và phê duyệt lại phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Lù Văn T như sau:

Bồi thường về đất ở cho gia đình ông Lù Văn T theo hạn mức đất ở do UBND thành phố L quy định.

Giao thêm cho các cặp vợ chồng Lù Văn C – Vương Thị Ph; Lù Văn H – La Thị Yên; Lù Thị Y – Nguyễn Thành V mỗi cặp vợ chồng 01 suất đất ở tái định cư.

Miễn giảm (hỗ trợ) tiền đất ở tái định cư cho gia đình ông Lù Văn T theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Người bị kiện trình bày:

Công trình San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình tại Quyết định số 697/QĐ-UBND ngày 15/3/2016. Công tác giải phóng mặt bằng của hộ gia đình ông Lù Văn T được thực hiện thống kê, kiểm đếm về đất đai, tài sản, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu vào ngày 22/9/2018. Ngày 29/10/2018 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố L đã tổ chức họp xét duyệt tư cách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L. Tại biên bản số 82/BB-HĐBTHTTĐC ngày 29/10/2018, STT 01 đã xét duyệt hộ gia đình ông Lù Văn T như sau: Bồi thường về đất nông

nghiệp theo quy định. Phần tài sản, vật kiến trúc trên đất nông nghiệp hỗ trợ theo văn bản số 5090/UBND-TNMT ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố L về việc giải quyết vướng mắc trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án trên địa bàn thành phố L. Các chính sách hỗ trợ theo quy định. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh giao 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất, không thông qua hình thức đấu giá (Giá do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định).

Ngày 05/01/2019, Ủy ban nhân dân thành phố L đã ban hành Quyết định số 13/QĐ/UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình san gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km 0+750 (nút giao đường B1) – Km 9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L và quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông T. Trong đó phê duyệt hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T với tổng giá trị là: 1.729.947.411đ bao gồm: Giá trị bồi thường về đất là 230.891.500đ; Giá trị bồi thường về tài sản, vật kiến trúc là 556.709.711đ; Giá trị bồi thường về cây cối, hoa màu 183.071.700 đ; Các chính sách hỗ trợ là 759.274.500đ.

Đơn giá và các chính sách được áp dụng theo Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 3/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 91/2014/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc ban hành quy định về bảng giá đất 05 năm (2015-2019) trên địa bàn tỉnh Lào Cai năm 2014; Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 09/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND ngày 22/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định áp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà, công trình gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 25/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định áp dụng đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Quyết định số 4408/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường và giá đất để giao đất tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất các dự án trên địa bàn thành phố L; Quyết định số 04/2018/QĐ-UBND ngày 12/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 09/4/2015.

Việc UBND thành phố L ban hành các quyết định trên đối với gia đình ông Lù Văn T là đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị T, anh Lù Văn H, anh Lù Văn C, chị Lù Thị Y, chị Vương Thị P nhất trí với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/6/2020 và biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 25/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xác định: Hiện trạng trên diện tích đất gia đình ông T đang ở có 01 nhà cột gỗ, tường trát toóc xi, mái lợp proximăng và 01 bếp cột gỗ, tường trát toóc xi, mái lợp proximăng. 02 công trình này nằm trên thửa đất số 3 (155) trong sơ đồ vị trí thu hồi đất.

Đối với thửa đất số 21 tờ bản đồ P2-03 hiện nay đã bị ngập nước nên không tiến hành đo đạc được. Diện tích đất này không nằm trong quyết định thu hồi số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2019.

Về đất đai, tài sản vật kiến trúc, cây cối, hoa màu trên đất gia đình ông Lù Văn T không đề nghị xem xét và nhất trí theo biên bản kiểm tra điều chỉnh số lượng đất đai, hoa màu, tài sản ngày 15/5/2017 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố L.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng không có kết quả.

Tại phiên tòa ông Lù Văn T giữ nguyên quan điểm và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 187 Luật Tố tụng Hành chính tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu chứng cứ; Đưa bà Nguyễn Thị Thanh T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quyền khởi kiện của ông Lù Văn T: Ông T khởi kiện Quyết định 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L. Quyết định trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lù Văn T. Vì vậy ông Lù Văn T có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 115 của Luật tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện: Quyết định trên là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai là đối

tượng khởi kiện vụ án hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 30, 32 Luật tổ tụng hành chính và được khởi kiện trong thời hiệu quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND thành phố L.

[3.1] Về thẩm quyền ban hành:

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L đối với hộ ông Lù Văn T là đúng thẩm quyền.

[3.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 05/01/2019, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình san gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km 0+750 (nút giao đường B1) – Km 9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L.

Cùng ngày 05/01/2019, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L.

Quyết định số 14/QĐ-UBND và bản phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo Quyết định số 14/QĐ-UBND đã được bàn giao cho hộ ông Lù Văn T. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai 2013 trình tự, thủ tục ban hành quyết định trên đúng quy định của pháp luật.

[3.3] Về nội dung Quyết định:

Quyết định số 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND thành phố L có nội dung: *“Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L với các nội dung sau:*

Giá trị dự toán: 1.764.546.359 đồng

Trong đó: giá trị bồi thường hỗ trợ: 1.729.974.411đ.

Giá trị giải phóng mặt bằng: 34.598.948 đồng

Phụ biểu chi tiết ghi:

- Giá trị bồi thường về đất: 230.891.500đ.*
- Giá trị bồi thường về tài sản, vật kiến trúc: 556.709.711đ.*
- Giá trị bồi thường về cây cối, hoa màu: 183.071.700đ.*
- Các chính sách hỗ trợ: 759.274.500đ”.*

Về giao đất ở tái định cư:

Ngày 05/7/2019, UBND thành phố L ban hành Quyết định số 1327/QĐ-UBND về việc giao đất cho hộ ông (bà) Lù Văn T – Nông Thị T 100m² đất tại phường B, thành phố L, hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất; Giá đất: Nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá quy định tại Quyết định 1793/QĐ-UBND này 20/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai (8.500.000đồng/m²); không được miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Lý do UBND thành phố L không phê duyệt bồi thường về đất ở cho gia đình ông T vì cho rằng gia đình ông T có đất thổ cư tại thửa số 21, tờ bản đồ P2-30, diện tích 200m² nhưng đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh T, trú tại tổ 31, phường B, thành phố L. Vị trí đất gia đình ông T bị thu hồi không phải là đất thổ cư mà là đất vườn tạp nên không đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định.

Ông T cho rằng đất của gia đình ông thuộc trường hợp đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất trên là do bố mẹ ông T khai hoang từ năm 1966, năm 1984 gia đình ông làm nhà và ở ổn định từ đó cho đến nay. Năm 1996 gia đình ông mua thêm của ông Hoàng Văn C và ông Trần Văn Đ diện tích đất ở phía bên kia đường để canh tác. Năm 1999 gia đình ông kê khai để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thị xã L cấp diện tích đất 18.353 m² bao gồm 16 thửa đất vườn tạp, đất ao và đất trồng lúa. Đất ở của gia đình ông sử dụng có nhà ở hợp pháp từ năm 1984 đến nay, hàng năm gia đình ông T vẫn nộp thuế nhà đất theo quy định. Năm 2001 ông T không chuyển nhượng đất ở (đất thổ cư) cho bà Nguyễn Thị Thanh T mà chỉ chuyển nhượng đất vườn tạp, trên đất không có nhà ở. Năm 2008 gia đình ông T đã nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở nhưng không được chấp nhận. Vị trí đất ông T sử dụng và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thuộc trường hợp đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở theo hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã nhiều lần yêu cầu UBND thành phố L cung cấp chứng cứ là hồ sơ chuyển nhượng Quyền sử dụng đất giữa ông Lù Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh T, trú tại tổ B, phường B, thành phố L và hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Nguyễn Thị Thanh T xong đến nay UBND thành phố L vẫn không cung cấp được chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Theo chứng cứ UBND thành phố L cung cấp là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thị xã L cấp cho bà Nguyễn Thị Thanh T ngày 04/10/2002 và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 29/8/2010 được ký giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Mai Văn L, bên nhận chuyển nhượng là bà Trần Thị H (diện tích đất này do bà T, ông L nhận chuyển nhượng từ gia đình ông T) thì quyền sử dụng đất bà T, ông L chuyển nhượng cho bà H là đất rừng tái sinh và đất vườn tạp + ao. Theo giấy chứng nhận QSDĐ và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà T, ông L chuyển

nhượng cho bà H tại GCNQSDĐ số W 136950, diện tích 15.447m² do UBND thị xã L cấp cho hộ bà Nguyễn Thị Thanh T thì tại tờ bản đồ P2-30, thửa số 21 là 1424m² đất vườn tạp, không có diện tích đất nào là đất ở, phù hợp với chứng cứ do ông Lù Văn T cung cấp là biên nhận thanh toán ngày 14/11/2001 được ký giữa ông Lù Văn T, vợ là Nông Thị T và bà Nguyễn Thị Thanh T, nội dung: “*Kể từ ngày 15/11/2001 ông L và bà T có toàn quyền sử dụng canh tác trên khu đất 6ha của gia đình ông T, bà T... hiện bà T đang giữ 01 bìa đỏ 19.353m², trong đó có diện tích ruộng + vườn tạp của ông T và bà T hiện đang ở. Bà T có trách nhiệm trả lại cho ông T và bà T số diện tích đất (khu ngoài hiện ông T và bà T đang ở). Thủ tục tách bìa sau này hai bên cùng giải quyết, cụ thể diện tích hiện đang chung bìa đỏ của hai nhà có địa chính xác nhận*”.

Như vậy đủ cơ sở khẳng định gia đình ông T không chuyển nhượng đất ở cho gia đình bà T. Tại thửa số 21 tờ bản đồ P2-30 là diện tích 1424m² đất vườn tạp chứ không phải đất ở theo như trình bày của UBND thành phố L và theo xác nhận về tình trạng nơi cư trú và nhu cầu sử dụng đất ngày 5/7/2017 của UBND phường B đối với hộ gia đình ông T: “*Là hộ phải di chuyển chỗ ở nhưng không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở và không còn nơi ở nào khác trên địa bàn phường (làm nhà trên đất nông nghiệp bị thu hồi). Vị trí đất thổ cư đã được đo đạc năm 1998 tại thửa số 21 tờ bản đồ P2-30, diện tích: 200m² gia đình đã chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Thanh T, tổ M, xã B nhưng chưa được nhà nước cấp GCNQSDĐ ở lần nào trên địa bàn phường*” (Bút lục số 200).

Diện tích đất ở gia đình ông T sử dụng ổn định từ năm 1984 cho đến nay không có tranh chấp. Hàng năm gia đình ông T vẫn nộp thuế nhà đất theo quy định. Căn cứ để xác định việc sử dụng đất ổn định của gia đình ông T được thể hiện trong đơn đề nghị xác nhận hộ khẩu, hộ tịch của Công an xã B, thị xã L và Công an thị xã L ngày 2/8/2004 nội dung: “*Công an thị xã L xác nhận: Hộ Nông Thị T gồm 5 khẩu, có hộ khẩu tại phường Nam Cường từ năm 1986, đến 1992 do chia cắt địa giới thuộc xã B từ tháng 5/1992 đến nay*”(Bút lục số 63); Mặt khác theo các chứng cứ ông Lù Văn T giao nộp cho Tòa án là biên lai thu thuế nhà đất thì từ năm 1996 ông T đã nộp thuế nhà đất ở thôn T, xã B, thị xã L (Bút lục số 61). Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày ông T làm nhà sau năm 1997, xong không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy mặc dù gia đình ông T chưa được cấp GCNQSDĐ nhưng đủ điều kiện để được cấp GCNQSDĐ theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Vì vậy gia đình ông T đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai 2013.

Từ những nhận định trên xét thấy: Quyết định số 14/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho gia đình ông Lù Văn T là chưa đúng quy định pháp luật, chưa đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của gia đình ông T. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình san gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km

0+750 (nút giao đường B1) – Km 9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L và Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố L về việc giao đất cho hộ ông (bà) Lù Văn T – Nông Thị T, đều là quyết định hành chính liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Lù Văn T nên cần xem xét tính hợp pháp của các quyết định này.

[4.1] Xét tính hợp pháp của Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND thành phố L.

[4.1.1] Về thẩm quyền ban hành:

Khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 quy định: UBND cấp huyện có thẩm quyền thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất. Vì vậy UBND thành phố L ban hành Quyết định số 13/QĐ/UBND ngày 05/01/2019 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T là đúng thẩm quyền theo quy định.

[4.1.2] Về trình tự, thủ tục ban hành:

Ngày 15/3/2016, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 697/QĐ-UBND phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L;

Ngày 06/12/2016, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 4408/QĐ-UBND phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường và giá đất để giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất các dự án trên địa bàn thành phố L;

Ngày 10/5/2017, UBND thành phố L ban hành thông báo thu hồi đất số 564/TB-UBND đề thực dự án: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L đối với hộ gia đình ông Lù Văn T.

Ngày 15/5/2017 UBND thành phố L tiến hành kiểm tra, xác định số lượng đất đai, tài sản, cây cối, hoa màu trên diện tích đất thu hồi.

Ngày 11/7/2017 Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Hà Nội họp xét duyệt tư cách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; ngày 14/7/2017 niêm yết công khai kết quả xét duyệt tư cách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; tiến hành lấy ý kiến khu dân cư.

Ngày 03/8/2017 niêm yết công khai kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Ngày 20/6/2019, UBND tỉnh Lào Cai ban hành Quyết định số 1793/QĐ-UBND phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất để bồi thường và giá đất để giao đất tái định cư khi nhà nước thu hồi đất các dự án trên địa bàn thành phố L.

Ngày 20/9/2018, UBND thành phố L ban hành Thông báo điều chỉnh thu hồi đất để thực hiện dự án: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L đối với hộ gia đình ông Lù Văn T

Ngày 20/9/2018 ra thông báo thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lù Văn T.

Ngày 19/11/2018 niêm yết công khai kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

Ngày 05/01/2019 UBND thành phố L ban hành Quyết định số 13/QĐ-UBND về việc thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Lù Văn T.

Căn cứ quy định của Điều 69 Luật đất đai quy định về trình tự, thủ tục thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, UBND thành phố L đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[4.1.3] Về nội dung quyết định:

Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND thành phố L thu hồi 9534,8m² đất của hộ ông, bà Lù Văn T – Nông Thị T, thuộc thửa đất số 1(193) (một phần thửa đất); 2(133); 8(165); 3(155); 9(194); 4(161); 5(160); 6(159) (toàn bộ thửa đất) thuộc tờ bản đồ số 3(P02-19) tại phường B, thành phố L.

Căn cứ sơ đồ vị trí thu hồi đất kèm theo Quyết định số 13 thấy rằng: Diện tích đất 9534,8m² nằm trong ranh giới dự án bị thu hồi. Căn cứ vào Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thực tế sử dụng đất của hộ ông Lù Văn T, biên bản kiểm tra, điều chỉnh số lượng đất đai, tài sản, hoa màu ngày 15/5/2017, sơ đồ thửa đất, UBND thành phố L ban hành quyết định thu hồi 9534,8m² đất của hộ gia đình ông Lù Văn T là đúng vị trí, đúng diện tích, nhưng chưa đúng loại đất đối với thửa đất có nhà ở gia đình ông T đã làm nhà ở và sử dụng ổn định không có tranh chấp từ năm 1984. Vì vậy cần hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình san gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km 0+750 (nút giao đường B1) – Km 9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L để ban hành lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4.2] Đối với Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố L về việc giao đất cho hộ ông (bà) Lù Văn T – Nông Thị T 100m² đất tại phường B, thành phố L, hình thức giao đất: Giao đất có thu tiền sử dụng đất; Giá đất: Nộp 100% tiền sử dụng đất theo giá quy định tại Quyết định 1793/QĐ-UBND ngày 20/6/2019 của UBND tỉnh Lào Cai (8.500.000đồng/m²); không được miễn, giảm tiền sử dụng đất. Quyết định trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của gia đình ông T và là quyết định hành chính liên quan đến yêu cầu khởi kiện của gia đình ông T. Như đã phân tích ở mục [3.3; 4.1.3] cần hủy Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố L là phù hợp.

[5] Đối với yêu cầu của ông Lù Văn T về việc giao thêm cho các cặp vợ chồng Lù Văn C – Vương Thị Ph; Lù Văn H – La Thị Y; Lù Thị Y – Nguyễn Thành V mỗi cặp vợ chồng 01 suất đất ở tái định cư và miễn giảm (hỗ trợ) tiền đất ở tái định cư cho gia đình ông Lù Văn T theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Khi ban hành quyết định thu hồi và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với hộ gia đình ông Lù Văn T UBND thành phố L căn cứ khoản 2

Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ giải quyết cho gia đình ông T theo quy định.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 187 Luật Tổ tụng Hành chính, tạm ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ là căn cứ xác định hộ khẩu thường trú của gia đình ông Lù Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ xác định gia đình ông Lù Văn T có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã N từ năm 1986. Đến năm 1992 do chia cắt địa giới nên thuộc xã B, thị xã L (nay là phường B, thành phố L) từ năm 1992 đến nay (Bút lục số 63). Nên không cần thiết phải tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu, chứng cứ.

Đối với ý kiến đưa bà Nguyễn Thị Thanh T vào tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai.

[6] Về án phí: Yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người khởi kiện không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Người khởi kiện là ông Lù Văn T nhận chịu toàn bộ tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện ông Lù Văn T.

Hủy quyết định Quyết định 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 của UBND thành phố L, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: San gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km0+750 (nút giao đường B1) – Km9+353 (nút giao đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L;

Hủy Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 05/01/2019 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Lù Văn T – bà Nông Thị T để thực hiện giải phóng mặt bằng công trình san gạt mặt bằng hai bên đường D1, đoạn từ Km 0+750 (nút giao đường B1) – Km 9+353 (nút giao Đại lộ Trần Hưng Đ), thành phố L.

Hủy Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 05/7/2019 của UBND thành phố L về việc giao đất cho hộ ông (bà) Lù Văn T – Nông Thị T.

Buộc UBND thành phố L thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của

pháp luật.

2. Về án phí:

Người khởi kiện ông Lù Văn T không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lù Văn T 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001474 ngày 16/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai.

Buộc UBND thành phố L phải chịu 300.000(*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hành chính sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng:

Ông Lù Văn T phải chịu 5.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Xác nhận ông Lù Văn T đã nộp đủ số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) tại Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- Cục THADS tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Khánh Vân